

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU  
THIÊN NAM**

*(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)*

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017**

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM**

111-121 Ngô Gia Tự, Phường 2, Quận 10  
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

---

**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	7 - 27



### **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thương mại Xuất Nhập khẩu Thiên Nam (sau đây gọi tắt là "Công ty mẹ") và các công ty con (Công ty mẹ và các công ty con sau đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### **Hội đồng Quản trị**

Bà Nguyễn Thị Hiệp	Chủ tịch
Ông Nguyễn Quang Hòa	Phó Chủ tịch
Ông Hồ Thái Hà	Thành viên
Ông Ngô Hữu Hoàn	Thành viên
Ông Nguyễn Hoàng Giang	Thành viên

#### **Ban Kiểm soát**

Ông Vương Quang Diệu	Trưởng ban
Ông Nguyễn Ngọc Tuấn	Thành viên
Bà Phạm Thị Đăng Thơ	Thành viên

#### **Ban Tổng Giám đốc**

Ông Ngô Hữu Hoàn	Tổng Giám đốc
Ông Lê Hữu Trung	Phó Tổng Giám đốc
Ông Vương Quang Hòa	Phó Tổng Giám đốc

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,

**Ngô Hữu Hoàn**  
**Tổng Giám đốc**

Ngày 09 tháng 3 năm 2018

Số: 354 /VN1A-HC-BC

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Các cổ đông, Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thương mại Xuất Nhập khẩu Thiên Nam**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Thương mại Xuất Nhập khẩu Thiên Nam (gọi tắt là "Công ty mẹ") và các công ty con (Công ty mẹ và các công ty con, sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập Ngày 09 tháng 3 năm 2018, từ trang 3 đến trang 27, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



**Võ Thái Hòa**

**Phó Tổng Giám đốc**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số 0138-2018-001-1

**CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM**

Ngày 09 tháng 3 năm 2018

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**Bùi Quốc Anh**  
**Kiểm toán viên**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số 2133-2018-001-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

<b>TÀI SẢN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>1.184.390.851.589</b>	<b>1.109.242.645.380</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>18.370.197.504</b>	<b>36.527.133.432</b>
1. Tiền	111		14.836.197.504	17.589.133.432
2. Các khoản tương đương tiền	112		3.534.000.000	18.938.000.000
<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>421.118.075.990</b>	<b>231.618.508.939</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	200.030.422.156	213.337.922.944
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	6	108.082.092.744	14.291.704.000
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	7	113.005.561.090	3.988.881.995
<b>III. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>744.290.902.658</b>	<b>839.360.073.990</b>
1. Hàng tồn kho	141	8	744.290.902.658	839.360.073.990
<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>611.675.437</b>	<b>1.736.929.019</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		514.065.233	3.352.269
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		3.697.365	1.623.632.390
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	9	93.912.839	109.944.360
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>180.160.230.224</b>	<b>254.713.363.586</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>5.000.000</b>	<b>85.005.000.000</b>
1. Phải thu dài hạn khác	216	7	5.000.000	85.005.000.000
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>43.515.683.402</b>	<b>48.405.752.088</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	16.510.921.587	21.490.990.276
- Nguyên giá	222		39.076.895.075	40.995.194.692
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(22.565.973.488)	(19.504.204.416)
2. Tài sản cố định vô hình	227	11	27.004.761.815	26.914.761.812
- Nguyên giá	228		28.226.468.417	28.106.468.417
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.221.706.602)	(1.191.706.605)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	<b>12</b>	<b>86.374.432.292</b>	<b>90.613.023.320</b>
- Nguyên giá	231		106.202.325.022	106.202.325.022
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(19.827.892.730)	(15.589.301.702)
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>-</b>	<b>30.329.325.454</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	30.329.325.454
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>50.000.000.000</b>	<b>-</b>
1. Đầu tư vào công ty liên kết	252	13	50.000.000.000	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>265.114.530</b>	<b>360.262.724</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		234.430.237	301.362.794
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		30.684.293	58.899.930
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>1.364.551.081.813</b>	<b>1.363.956.008.966</b>

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	
			Số cuối năm	Số đầu năm
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>947.773.961.437</b>	<b>987.227.950.445</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>885.830.921.437</b>	<b>918.325.590.445</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	103.797.378.404	194.129.932.751
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		7.731.522.720	19.959.685.239
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	9	12.961.702.416	5.344.217.161
4. Phải trả người lao động	314		24.435.642.292	24.866.352.860
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		2.270.588.125	2.200.449.316
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	15	352.839.096	314.365.500
7. Vay ngắn hạn	320	16	732.779.026.654	666.319.713.911
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.502.221.730	5.190.873.707
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>61.943.040.000</b>	<b>68.902.360.000</b>
1. Phải trả dài hạn khác	337	15	42.943.040.000	42.902.360.000
2. Vay dài hạn	338	17	19.000.000.000	26.000.000.000
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>416.777.120.376</b>	<b>376.728.058.521</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>18</b>	<b>416.777.120.376</b>	<b>376.728.058.521</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		125.921.670.000	101.047.770.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		125.921.670.000	101.047.770.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		9.264.443.637	34.138.343.637
3. Cổ phiếu quỹ	415		(11.978.525.300)	(11.978.525.300)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		139.053.508.956	99.444.570.161
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		149.475.252.047	150.135.986.905
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến cuối năm trước	421a		64.175.426.031	57.679.247.632
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		85.299.826.016	92.456.739.273
6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429	19	5.040.771.036	3.939.913.118
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>	<b>440</b>		<b>1.364.551.081.813</b>	<b>1.363.956.008.966</b>

  
 Nguyễn Thị Thu Hiền  
 Người lập biểu

  
 Hà Hạnh Hoa  
 Kế toán trưởng


  
 Ngô Hữu Hoàn  
 Tổng Giám đốc  
 Ngày 09 tháng 3 năm 2018



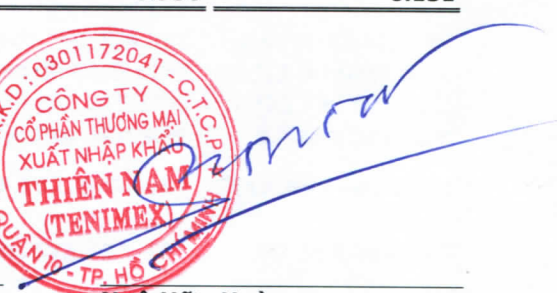
**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	
			Năm nay	Năm trước
<b>1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>		<b>4.182.133.528.606</b>	<b>3.486.163.654.306</b>
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		3.941.610.577	4.082.455.867
<b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)</b>	<b>10</b>	<b>22</b>	<b>4.178.191.918.029</b>	<b>3.482.081.198.439</b>
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	23	3.902.363.002.880	3.229.561.190.273
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)</b>	<b>20</b>		<b>275.828.915.149</b>	<b>252.520.008.166</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	25	1.345.635.648	45.431.349.070
7. Chi phí tài chính	22	26	54.050.815.284	42.896.298.235
- Trong đó: Chi phí lãi vay		23	53.935.801.306	42.120.485.230
8. Chi phí bán hàng	25	27	32.695.683.003	38.069.813.848
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	28	63.244.443.652	70.245.102.036
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))</b>	<b>30</b>		<b>127.183.608.858</b>	<b>146.740.143.117</b>
11. Thu nhập khác	31		2.344.158.961	3.125.200.233
12. Chi phí khác	32		1.687.138.584	6.262.998.091
<b>13. Lợi nhuận/(lỗ) khác (40=31-32)</b>	<b>40</b>		<b>657.020.377</b>	<b>(3.137.797.858)</b>
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)</b>	<b>50</b>		<b>127.840.629.235</b>	<b>143.602.345.259</b>
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	29	25.874.629.013	29.822.574.070
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		28.215.637	200.462.432
<b>17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)</b>	<b>60</b>		<b>101.937.784.585</b>	<b>113.579.308.757</b>
Phân bổ cho:				
- Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ	61		99.857.957.736	111.823.029.580
- Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62	19	2.079.826.849	1.756.279.177
<b>18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>70</b>	<b>30</b>	<b>6.930</b>	<b>6.131</b>

  
 Nguyễn Thị Thu Hiền  
 Người lập biểu

  
 Hà Hạnh Hoa  
 Kế toán trưởng

  
 Ngô Hữu Hoàn  
 Tổng Giám đốc  
 Ngày 09 tháng 3 năm 2018




**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>127.840.629.235</b>	<b>143.602.345.259</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản:</b>			
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	8.560.446.171	9.299.730.304
Các khoản dự phòng	03	-	(3.208.608.796)
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(121.030.337)	414.456.272
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(9.215.741.265)	(10.619.688.582)
Chi phí lãi vay	06	53.935.801.306	42.120.485.230
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>181.000.105.110</b>	<b>181.608.719.687</b>
Thay đổi các khoản phải thu	09	(161.175.567.879)	(54.190.144.119)
Thay đổi hàng tồn kho	10	95.069.171.332	(154.636.405.428)
Thay đổi các khoản phải trả	11	(52.182.662.068)	49.757.147.019
Thay đổi chi phí trả trước	12	(443.780.407)	66.547.568
Thay đổi chứng khoán kinh doanh	13	-	40.000.000.000
Tiền lãi vay đã trả	14	(54.010.850.846)	(42.101.448.807)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(24.872.999.810)	(31.852.939.374)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	416.610.000	143.630.000
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(42.412.759.153)	(8.674.282.495)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(58.612.733.721)</b>	<b>(19.879.175.949)</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21	(43.468.081.600)	(44.084.655.069)
2. Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	97.645.454.546	5.562.272.728
3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(50.000.000.000)	-
4. Tiền thu tiền lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	581.882.713	1.305.162.430
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>4.759.255.659</b>	<b>(37.217.219.911)</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền thu từ đi vay	33	3.549.753.734.817	2.989.785.422.829
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(3.490.294.422.074)	(2.926.472.055.826)
3. Cổ tức đã trả cho các cổ đông	36	(23.763.315.177)	(25.873.070.192)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>35.695.997.566</b>	<b>37.440.296.811</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>	<b>(18.157.480.496)</b>	<b>(19.656.099.049)</b>
<b>(50=20+30+40)</b>			
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>36.527.133.432</b>	<b>56.183.204.913</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	544.568	27.568
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>18.370.197.504</b>	<b>36.527.133.432</b>
<b>(70=50+60+61)</b>			

  
Nguyễn Thị Thu Hiền  
Người lập biểu

  
Hà Hạnh Hoa  
Kế toán trưởng



  
Ngô Hữu Hoàn  
Tổng Giám đốc  
Ngày 09 tháng 3 năm 2018



## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

### **1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

#### **Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Thương mại Xuất Nhập khẩu Thiên Nam (gọi tắt là "Công ty mẹ") và các công ty con (Công ty mẹ và các công ty con gọi tắt là "Công ty"). Công ty mẹ được thành lập tại Việt Nam dưới hình thức công ty cổ phần, được chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước-Công ty Thương mại Dịch vụ Xuất nhập khẩu Quận 10, theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0301172041 ngày 01 tháng 11 năm 2000 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Theo Giấy chứng nhận sửa đổi lần thứ 19 ngày 10 tháng 7 năm 2017, vốn cổ phần của Công ty là 125.921.670.000 đồng.

Cổ phiếu của Công ty mẹ đang được niêm yết tại Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("HOSE") với mã chứng khoán là TNA.

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Mua bán, đại lý, ký gởi các mặt hàng công nghệ phẩm, lương thực, thực phẩm, vật tư thiết bị, phương tiện vận tải, rượu, nông sản, thủy hải sản, kim khí điện máy, vật liệu xây dựng, trang trí nội thất, phân bón, thuốc trừ sâu, vật tư, máy móc thiết bị, mỹ phẩm; đại lý ký gửi hàng hóa; thu mua và chế biến hàng nông, thủy, hải sản xuất khẩu (không hoạt động tại trụ sở); cho thuê xe du lịch; mua bán sắt thép, kim loại phế liệu và dịch vụ phá dỡ tàu thuyền, ô tô cũ (không hoạt động tại trụ sở); mua bán xe ô tô; dịch vụ khai thuê hải quan; dịch vụ giao nhận hàng hóa; kinh doanh bất động sản.

#### Các công ty con

- Công ty TNHH Công nghệ phẩm Thiên Nam được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0306489067, đăng ký lần đầu ngày 15 tháng 3 năm 2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp và các giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh. Hoạt động kinh doanh chính của công ty là bán buôn đường, sữa và các sản phẩm sữa; bán lẻ thực phẩm, đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh.
- Công ty Cổ phần Phát triển Kinh doanh Thương mại Sài Gòn 168 được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0314760724, đăng ký ngày 28 tháng 11 năm 2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp. Hoạt động kinh doanh chính của công ty là phân phối sỉ ngành hàng điện máy. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty Cổ phần Phát triển Kinh doanh Thương mại Sài Gòn 168 chưa đi vào hoạt động và Công ty mẹ chưa tiến hành góp vốn.

#### Công ty liên kết

Công ty Cổ phần Thương mại Phát triển Sài Gòn 268 được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 2001265436, đăng ký lần đầu ngày 16 tháng 3 năm 2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cà Mau cấp và các giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh. Hoạt động kinh doanh chính của công ty là kinh doanh bất động sản. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty Cổ phần Thương mại Phát triển Sài Gòn 268 chưa đi vào hoạt động kinh doanh.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 107 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: 94 người).

#### **Chu kỳ kinh doanh thông thường**

Chu kỳ kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

#### **Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính hợp nhất**

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH**

**Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND"), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty mẹ và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty mẹ kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty mẹ có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng Công ty được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

**Hợp nhất kinh doanh**

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.



### **Đầu tư vào công ty liên kết**

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Tổng Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Tổng Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Tổng Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Tổng Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Tổng Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Tổng Công ty vào công ty liên kết, được loại trừ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

### **Công cụ tài chính**

#### **Ghi nhận ban đầu**

*Tài sản tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

*Công nợ tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả ngắn hạn.

#### **Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

#### **Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

#### **Nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

#### **Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	6 - 25
Máy móc, thiết bị	4 - 15
Phương tiện vận tải	6
Thiết bị văn phòng	3 - 7
Tài sản cố định khác	5

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

**Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị của quyền sử dụng đất không có thời hạn, chi phí san lấp mặt bằng không có thời hạn và phần mềm máy tính được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất không có thời hạn và chi phí san lấp mặt bằng không có thời hạn không tính khấu hao theo các quy định hiện hành. Phần mềm máy tính được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 3 năm.

**Bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư bao gồm nhà cửa, vật kiến trúc do công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư cho thuê được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Bất động sản đầu tư chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ suy giảm giá trị. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác. Nguyên giá bất động sản đầu tư tự xây là giá trị quyết toán công trình hoặc các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư.

Bất động sản đầu tư cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính trong vòng 25 năm.

**Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**Các khoản trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh hợp nhất của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm chi phí sửa chữa văn phòng, chi phí lắp đặt hệ thống xử lý nước thải tòa nhà và hệ thống camera an ninh.

Chi phí sửa chữa văn phòng và lắp đặt hệ thống xử lý hệ thống nước thải tòa nhà được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian là 60 tháng.

Chi phí lắp đặt hệ thống camera an ninh được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng với thời gian là 24 tháng.

**Các khoản dự phòng phải trả**

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính.

**Thuê hoạt động**

Doanh thu cho thuê hoạt động thể hiện phần doanh thu cho thuê cao ốc văn phòng. Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

**Ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

**Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

00-002  
HÀNH  
G TY  
EM HỮU  
ITTE  
RAM  
HỒ CH

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**Phân phối quỹ và phân chia cổ tức**

Phân chia cổ tức cho các cổ đông Công ty được ghi nhận như là khoản công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty trong năm với số cổ tức được thông qua bởi các cổ đông Công ty.

Lợi nhuận thuần sau thuế có thể được chia cho các cổ đông sau khi các cổ đông thông qua tại Đại hội Cổ đông Thường niên và sau khi trích các quỹ theo Điều lệ của Công ty và các quy định pháp lý của Việt Nam.

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền mặt	250.155.007	2.092.291.780
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	14.586.042.497	15.496.841.652
Các khoản tương đương tiền	3.534.000.000	18.938.000.000
	<b>18.370.197.504</b>	<b>36.527.133.432</b>

Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi bằng Đồng Việt Nam tại các ngân hàng thương mại có kỳ hạn dưới 3 tháng với lãi suất là 4,8%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: từ 4,3%/năm đến 5%/năm).

**5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Thép Nguyễn Minh	114.748.363.816	107.202.055.731
Công ty Cổ phần Tập đoàn Thép Nguyễn Minh	54.162.933.906	14.780.478.564
Bà Lê Ngọc Đào	-	58.000.000.000
Các khoản phải thu khách hàng khác	31.119.124.434	33.355.388.649
	<b>200.030.422.156</b>	<b>213.337.922.944</b>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty đã dùng một phần khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng để thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn tại ngân hàng (Thuyết minh số 16).

**6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	Closing balance VND	Opening balance VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh Địa ốc Hưng Thịnh (*)	104.296.000.000	14.221.600.000
Các nhà cung cấp khác	3.786.092.744	70.104.000
	<b>108.082.092.744</b>	<b>14.291.704.000</b>

(\*) Các khoản trả trước cho Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh Địa ốc Hưng Thịnh liên quan đến dự án Khu nhà ở Saigon Mystery Villas, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh và dự án Sentosa Villa, Mũi Né, Thành phố Phan Thiết.



**7. PHẢI THU KHÁC**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
<b>a. Ngắn hạn</b>		
- Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh Địa ốc Hưng Thịnh (*)	100.000.000.000	-
- Lợi nhuận được chia từ Hợp đồng Hợp tác kinh doanh	11.986.666.667	-
- Phải thu người lao động	114.760.000	120.745.950
- Phải thu khác	904.134.423	3.868.136.045
	<b>113.005.561.090</b>	<b>3.988.881.995</b>
<b>b. Dài hạn</b>		
- Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh Địa ốc Hưng Thịnh (*)	-	50.000.000.000
- Doanh nghiệp tư nhân Bích Đào (*)	-	35.000.000.000
- Phải thu khác	5.000.000	5.000.000
	<b>5.000.000</b>	<b>85.005.000.000</b>

(\*) Thể hiện giá trị các khoản đầu tư với hình thức hợp đồng hợp tác kinh doanh phân chia lợi nhuận một khoản tiền cố định, không phụ thuộc vào kết quả kinh doanh với Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh Địa ốc Hưng Thịnh và Doanh nghiệp tư nhân Bích Đào. Trong năm, các khoản đầu tư dài hạn đã được thu hồi.

**8. HÀNG TỒN KHO**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Hàng mua đang đi đường	3.008.337.236	127.743.915.993
Nguyên liệu, vật liệu	233.058.870.510	233.058.648.615
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	467.666.788	151.268.014
Hàng hóa	507.756.028.124	478.406.241.368
	<b>744.290.902.658</b>	<b>839.360.073.990</b>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty đã dùng một phần hàng tồn kho để thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn tại ngân hàng (Thuyết minh số 16).

**9. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Số đầu năm VND	Số phải nộp trong năm VND	Truy thu thuế các năm trước VND	Số đã nộp trong năm VND	Số cuối năm VND
Thuế giá trị gia tăng hàng bán nội địa	75.399.040	20.788.295.510	2.434.044	(12.823.009.215)	8.043.119.379
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	(10.960.576)	65.658.977.772	-	(65.648.017.196)	-
Thuế xuất nhập khẩu	(98.983.784)	7.694.071.364	-	(7.689.000.419)	(93.912.839)
Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	23.343.099	-	(23.343.099)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.596.928.044	25.874.629.013	24.235.612	(24.872.999.810)	4.622.792.859
Thuế thu nhập cá nhân	1.671.890.077	12.980.897.591	-	(14.356.997.490)	295.790.178
Tiền thuế đất	-	5.574.885.708	-	(5.574.885.708)	-
Thuế tự vệ	-	1.402.083.355	-	(1.402.083.355)	-
Các loại thuế khác	-	59.766.247	-	(59.766.247)	-
	<b>5.234.272.801</b>	<b>140.056.949.659</b>	<b>26.669.656</b>	<b>(132.450.102.539)</b>	<b>12.867.789.577</b>
<i>Trong đó:</i>					
<i>Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước</i>	109.944.360				93.912.839
<i>Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước</i>	5.344.217.161				12.961.702.416

**10. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tài sản cố định khác VND	Tổng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>						
Số đầu năm	11.498.803.834	17.819.415.524	11.521.958.448	124.951.636	30.065.250	40.995.194.692
Thanh lý	-	-	(1.918.299.617)	-	-	(1.918.299.617)
Số cuối năm	11.498.803.834	17.819.415.524	9.603.658.831	124.951.636	30.065.250	39.076.895.075
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>						
Số đầu năm	5.241.546.295	8.723.473.173	5.412.751.473	96.368.225	30.065.250	19.504.204.416
Khấu hao trong năm	833.318.424	1.974.404.466	1.473.067.716	11.064.540	-	4.291.855.146
Thanh lý	-	-	(1.230.086.074)	-	-	(1.230.086.074)
Số cuối năm	6.074.864.719	10.697.877.639	5.655.733.115	107.432.765	30.065.250	22.565.973.488
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>						
<b>Tại ngày đầu năm</b>	<b>6.257.257.539</b>	<b>9.095.942.351</b>	<b>6.109.206.975</b>	<b>28.583.411</b>	<b>-</b>	<b>21.490.990.276</b>
<b>Tại ngày cuối năm</b>	<b>5.423.939.115</b>	<b>7.121.537.885</b>	<b>3.947.925.716</b>	<b>17.518.871</b>	<b>-</b>	<b>16.510.921.587</b>

Như trình bày tại Thuyết minh số 16, Công ty đã thế chấp một phần nhà cửa, vật kiến trúc với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 4.982.476.373 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: 5.263.869.221 đồng) để đảm bảo cho các khoản tiền vay tại ngân hàng.

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình của các tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 6.836.128.514 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: 6.759.198.241 đồng).



**11. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Quyền sử dụng đất VND	Chi phí san lấp mặt bằng VND	Phần mềm máy tính VND	Tổng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>				
Số dư đầu năm	25.255.147.500	2.620.320.917	231.000.000	28.106.468.417
Tăng trong năm	-	-	120.000.000	120.000.000
Số dư cuối năm	25.255.147.500	2.620.320.917	351.000.000	28.226.468.417
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>				
Số dư đầu năm	-	960.706.605	231.000.000	1.191.706.605
Khấu hao trong năm	-	-	29.999.997	29.999.997
Số dư cuối năm	-	960.706.605	260.999.997	1.221.706.602
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>				
Tại ngày đầu năm	<b>25.255.147.500</b>	<b>1.659.614.312</b>	-	<b>26.914.761.812</b>
Tại ngày cuối năm	<b>25.255.147.500</b>	<b>1.659.614.312</b>	<b>90.000.003</b>	<b>27.004.761.815</b>

Như trình bày tại Thuyết minh số 16 và 17, Công ty đã thế chấp quyền sử dụng đất với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 25.255.147.500 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: 25.255.147.500 đồng) để đảm bảo cho các khoản tiền vay tại ngân hàng.

Nguyên giá của tài sản cố định vô hình gồm các tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 231.000.000 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: 231.000.000 đồng).

**12. TĂNG, GIẢM BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ**

	Nhà cửa và vật kiến trúc VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>	
Số dư đầu năm và Số dư cuối năm	106.202.325.022
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>	
Số dư đầu năm	15.589.301.702
Khấu hao trong năm	4.238.591.028
Số dư cuối năm	19.827.892.730
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>	
Tại ngày đầu năm	<b>90.613.023.320</b>
Tại ngày cuối năm	<b>86.374.432.292</b>

Như trình bày tại Thuyết minh số 16 và số 17, Công ty đã thế chấp bất động sản đầu tư với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 86.374.432.292 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: 90.613.023.320 đồng) để đảm bảo cho khoản tiền vay tại ngân hàng.

Theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 05 - "Bất động sản đầu tư", giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 cần được trình bày. Tuy nhiên, Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý này nên giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 chưa được trình bày trên Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất. Để xác định được giá trị hợp lý này, Công ty sẽ phải thuê một công ty tư vấn độc lập đánh giá giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư. Hiện tại, Công ty chưa tìm được công ty tư vấn phù hợp để thực hiện công việc này.

Nguyên giá của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 bao gồm các bất động sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn cho thuê với giá trị là 237.548.984 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: 237.548.984 đồng).

**13. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Đầu tư vào các công ty liên kết	50.000.000.000	-
Phần lợi nhuận/(lỗ) phát sinh sau ngày đầu tư trừ cổ tức được chia	-	-
	<b>50.000.000.000</b>	<b>-</b>

Thông tin chi tiết về khoản đầu tư vào công ty liên kết của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 như sau:

Tên công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu %	Tỷ lệ quyền biểu quyết %	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Thương mại Phát triển Sài Gòn 268	Tỉnh Cà Mau	22,5%	22,5%	Kinh doanh bất động sản

**14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Metal One Corporation	88.089.675.336	88.089.675.336	66.118.333.363	66.118.333.363
Bà Nguyễn Thị Thu Hương	-	-	43.348.081.600	43.348.081.600
Samsung C&T Corporation	-	-	73.186.208.633	73.186.208.633
Các nhà cung cấp khác	15.707.703.068	15.707.703.068	11.477.309.155	11.477.309.155
	<b>103.797.378.404</b>	<b>103.797.378.404</b>	<b>194.129.932.751</b>	<b>194.129.932.751</b>

**15. PHẢI TRẢ KHÁC**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
<b>a. Ngắn hạn</b>		
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	194.745.000	142.995.000
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	8.010.000	8.010.000
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	150.084.096	163.360.500
	<b>352.839.096</b>	<b>314.365.500</b>
<b>b. Dài hạn</b>		
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn (*)	42.943.040.000	42.902.360.000
	<b>42.943.040.000</b>	<b>42.902.360.000</b>

(\*) Thể hiện các khoản ký quỹ, ký cược nhận được từ việc cho thuê các cao ốc văn phòng với kỳ hạn trên 12 tháng.



**16. VAY NGẮN HẠN**

	Số đầu năm	Trong năm		Số cuối năm
	Giá trị	Tăng	Giảm	Giá trị
	VND	VND	VND	VND
Các khoản vay ngắn hạn	659.319.713.911	3.549.753.734.817	(3.483.294.422.074)	725.779.026.654
- Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình	80.650.000.000	377.537.220.447	(360.987.220.447)	97.200.000.000
- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh 10, Thành phố Hồ Chí Minh	217.883.316.511	1.090.046.837.819	(1.006.044.387.893)	301.885.766.437
- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam	242.985.255.861	1.166.383.110.571	(1.169.837.768.108)	239.530.598.324
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Lý Thường Kiệt	36.891.811.189	119.905.563.507	(156.797.374.696)	-
- Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC (Việt Nam)	48.855.567.500	274.650.110.893	(288.503.668.500)	35.002.009.893
- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	28.850.000.000	171.660.652.000	(150.750.000.000)	49.760.652.000
- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng Hải Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	1.698.762.850	46.167.851.229	(47.866.614.079)	-
- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong - Chi nhánh Bến Thành	-	282.442.388.351	(282.442.388.351)	-
- Ngân hàng TNHH Indovina - Chi nhánh Hồ Chí Minh	-	15.000.000.000	(12.600.000.000)	2.400.000.000
- Vay ngắn hạn khác	1.505.000.000	5.960.000.000	(7.465.000.000)	-
Nợ dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 17)	7.000.000.000	7.000.000.000	(7.000.000.000)	7.000.000.000
	<b>666.319.713.911</b>	<b>3.556.753.734.817</b>	<b>(3.490.294.422.074)</b>	<b>732.779.026.654</b>

Các khoản vay ngắn hạn thể hiện các khoản vay bằng Đồng Việt Nam từ các ngân hàng thương mại với lãi suất theo mức lãi suất thông báo bởi Ngân hàng tại ngày giải ngân. Các khoản vay ngắn hạn nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động và bảo lãnh mở LC để đáp ứng nhu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh. Các khoản vay ngắn hạn này được đảm bảo bằng giá trị các khoản phải thu, hàng tồn kho luân chuyển, nhà cửa, vật kiến trúc, quyền sử dụng đất và bất động sản đầu tư như trình bày tại Thuyết minh số 5, 8, 10, 11 và 12 hoặc không có tài sản bảo đảm.

**17. VAY DÀI HẠN**

	Số đầu năm	Trong năm		Số cuối năm
	Giá trị	Tăng	Giảm	Giá trị
	VND	VND	VND	VND
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh 10, Thành phố Hồ Chí Minh	33.000.000.000	-	(7.000.000.000)	26.000.000.000
	<b>33.000.000.000</b>	<b>-</b>	<b>(7.000.000.000)</b>	<b>26.000.000.000</b>
Trong đó:				
- Số phải trả trong vòng 12 tháng	7.000.000.000			7.000.000.000
- Số phải trả sau 12 tháng	26.000.000.000			19.000.000.000

Vay dài hạn thể hiện khoản vay từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh 10, Thành phố Hồ Chí Minh để thanh toán cho các chi phí đầu tư dự án cửa hàng kinh doanh và văn phòng với lãi suất thả nổi được điều chỉnh theo thông báo của ngân hàng tại từng thời kỳ, thời hạn vay 90 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền sử dụng đất thuê và tài sản hình thành trong tương lai tại 277B Cách Mạng Tháng Tám, Phường 12, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Trong vòng một năm	7.000.000.000	7.000.000.000
Trong năm thứ hai	7.000.000.000	7.000.000.000
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	12.000.000.000	19.000.000.000
	<b>26.000.000.000</b>	<b>33.000.000.000</b>
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần vay ngắn hạn - Thuyết minh số 16)	(7.000.000.000)	(7.000.000.000)
<b>Số phải trả sau 12 tháng</b>	<b>19.000.000.000</b>	<b>26.000.000.000</b>

**18. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Chi tiết về mệnh giá cổ phiếu và số cổ phiếu của Công ty mẹ như sau:

Cổ phần	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	12.592.167	10.104.777
Số lượng cổ phiếu quỹ	(344.954)	(344.954)
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	12.247.213	9.759.823

Công ty mẹ chỉ có một loại cổ phiếu phổ thông không hưởng cổ tức cố định với mệnh giá là 10.000 đồng một cổ phiếu. Cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỉ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Tất cả các cổ phiếu đều có quyền thừa hưởng như nhau đối với giá trị tài sản thuần của Công ty.

011250  
CHI N  
CÔN  
ÁCH NH  
DELI  
VIỆT  
1 - TH

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Chi tiết thay đổi về vốn chủ sở hữu trong năm như sau:

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng VND
Số dư đầu năm trước	80.000.000.000	55.186.113.637	(11.978.525.300)	80.022.172.140	93.007.995.326	1.902.797.448	298.140.553.251
Tăng vốn trong năm	21.047.770.000	(21.047.770.000)	-	-	-	-	-
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	111.823.029.580	1.756.279.177	113.579.308.757
Phân phối quỹ	-	-	-	19.906.389.706	(19.906.389.706)	-	-
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(7.494.106.632)	-	(7.494.106.632)
Trích quỹ hoạt động Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc	-	-	-	-	(1.873.526.658)	-	(1.873.526.658)
Cổ tức được chia	-	-	-	-	(25.069.915.000)	(803.155.192)	(25.873.070.192)
Trích quỹ tham gia công tác xã hội	-	-	-	-	(351.100.005)	-	(351.100.005)
Điều chỉnh do thay đổi tỷ lệ cổ đông không kiểm soát	-	-	-	(483.991.685)	-	1.083.991.685	600.000.000
<b>Số dư đầu năm nay</b>	<b>101.047.770.000</b>	<b>34.138.343.637</b>	<b>(11.978.525.300)</b>	<b>99.444.570.161</b>	<b>150.135.986.905</b>	<b>3.939.913.118</b>	<b>376.728.058.521</b>
Tăng vốn trong năm (1)	24.873.900.000	(24.873.900.000)	-	-	-	-	-
Tăng vốn thành lập Công ty con	-	-	-	-	-	500.000.000	500.000.000
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	99.857.957.736	2.079.826.849	101.937.784.585
Phân phối quỹ (2)	-	-	-	39.886.249.041	(39.886.249.041)	-	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (2)	-	-	-	-	(34.505.139.460)	-	(34.505.139.460)
Trích quỹ hoạt động Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc (2)	-	-	-	-	(3.616.900.093)	-	(3.616.900.093)
Cổ tức được chia (3)	-	-	-	-	(22.007.036.000)	(1.756.279.177)	(23.763.315.177)
Trích quỹ tham gia công tác xã hội (2)	-	-	-	-	(503.368.000)	-	(503.368.000)
Điều chỉnh do thay đổi tỷ lệ cổ đông không kiểm soát	-	-	-	(277.310.246)	-	277.310.246	-
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>125.921.670.000</b>	<b>9.264.443.637</b>	<b>(11.978.525.300)</b>	<b>139.053.508.956</b>	<b>149.475.252.047</b>	<b>5.040.771.036</b>	<b>416.777.120.376</b>

(1) Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 01 tháng 4 năm 2017, Hội đồng Quản trị Công ty mẹ đã thông qua việc phát hành thêm cổ phần để tăng vốn chủ sở hữu từ nguồn thặng dư vốn cổ phần theo tỷ lệ chuyển đổi 122:25, mệnh giá cổ phần tăng thêm là 10.000 đồng/cổ phần, trong đó có 487.991 cổ phiếu phát hành theo chương trình lựa chọn cho người lao động. Sau khi phát hành thêm cổ phần, số lượng cổ phần và vốn cổ phần của Công ty tăng lên tương ứng 12.592.167 cổ phần và 125.921.670.000 đồng và được cập nhật theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần thứ 19 ngày 10 tháng 7 năm 2017. Việc chuyển đổi trên đã được Công ty thông báo và được chấp nhận bởi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước theo Thông báo số 2655/UBCK-QLCB ngày 12 tháng 5 năm 2017.



(2) Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 01 tháng 4 năm 2017, Công ty đã phê duyệt việc trích lập các quỹ trong năm bao gồm số trích lập bổ sung Quỹ đầu tư phát triển, Quỹ khen thưởng, phúc lợi, Quỹ hoạt động Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và trích lập quỹ tham gia công tác xã hội từ lợi nhuận chưa phân phối năm 2016.

(3) Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 01 tháng 4 năm 2017, Công ty đã công bố chia cổ tức đợt cuối năm 2016 cho các cổ đông từ lợi nhuận chưa phân phối năm 2016 với số tiền là 9.759.823.000 đồng và tạm ứng cổ tức năm 2017 từ lợi nhuận chưa phân phối năm nay với số tiền là 12.247.213.000 đồng cho cổ đông. Trong năm, Công ty đã chi trả cổ tức với số tiền là 22.007.036.000 đồng.

Theo Quyết định của Hội đồng Thành viên ngày 23 tháng 3 năm 2017 của Công ty TNHH Công nghệ phẩm Thiên Nam, công ty con, Hội đồng Thành viên quyết định chia lợi nhuận cho Ông Nguyễn Phan Bảo Anh, chủ sở hữu, với số tiền là 1.756.279.177 đồng từ lợi nhuận sau thuế năm 2016. Trong năm, lợi nhuận này đã được chi trả cho Ông Nguyễn Phan Bảo Anh.

**19. LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG KHÔNG KIỂM SOÁT**

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần nắm giữ của các cổ đông khác đối với giá trị tài sản thuần và kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con.

Tỷ lệ lợi ích của cổ đông không kiểm soát được xác định như sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
<b>Công ty TNHH Công nghệ phẩm Thiên Nam</b>		
Vốn điều lệ của công ty con	4.000.000.000	4.000.000.000
Trong đó:		
- Vốn phân bổ cho Công ty mẹ	2.800.000.000	2.800.000.000
- Vốn phân bổ cho cổ đông không kiểm soát	1.200.000.000	1.200.000.000
<b>Tỷ lệ lợi ích của cổ đông không kiểm soát</b>	<b>30%</b>	<b>30%</b>
<b>Công ty Cổ phần Phát triển Kinh doanh Thương mại Sài Gòn 168</b>		
Vốn điều lệ của công ty con	50.000.000.000	-
Trong đó:		
- Vốn phân bổ cho Công ty mẹ	37.500.000.000	-
- Vốn phân bổ cho cổ đông không kiểm soát	12.500.000.000	-
<b>Tỷ lệ lợi ích của cổ đông không kiểm soát</b>	<b>25%</b>	-

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát dựa vào tài sản thuần như sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tổng tài sản	42.792.363.807	39.083.305.435
Tổng nợ phải trả	(32.009.389.668)	(30.048.246.456)
<b>Tài sản thuần</b>	<b>10.782.974.139</b>	<b>9.035.058.979</b>
<i>Chi tiết như sau:</i>		
- Vốn điều lệ	4.500.000.000	4.000.000.000
- Quỹ đầu tư phát triển	4.203.147.290	3.278.779.802
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	2.079.826.849	1.756.279.177
<b>Lợi ích của cổ đông không kiểm soát</b>	<b>5.040.771.036</b>	<b>3.939.913.118</b>
<i>Chi tiết như sau:</i>		
- Vốn điều lệ	1.700.000.000	1.200.000.000
- Quỹ đầu tư phát triển	1.260.944.187	983.633.941
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	2.079.826.849	1.756.279.177



Lợi ích của cổ đông không kiểm soát từ kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận trong năm	9.243.674.882	7.805.685.229
Lợi nhuận của cổ đông không kiểm soát từ kết quả hoạt động kinh doanh	<u>2.079.826.849</u>	<u>1.756.279.177</u>

**20. KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

**Tài sản thuê ngoài**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của hợp đồng thuê hoạt động tài sản không hủy ngang theo thời hạn:		
- Trong vòng một năm	<u>834.327.273</u>	<u>637.963.636</u>
	<b><u>834.327.273</u></b>	<b><u>637.963.636</u></b>

**21. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ**

**Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là thương mại, dịch vụ, mua bán sắt thép. Các hoạt động sản xuất kinh doanh khác của Công ty như ủy thác xuất nhập khẩu; kinh doanh bất động sản, cho thuê văn phòng, mặt bằng và các hoạt động khác chiếm tỷ trọng rất nhỏ trong tổng doanh thu và kết quả hoạt động của Công ty trong năm (chiếm tỷ trọng khoảng 2,83% tổng doanh thu) cũng như các năm trước (chiếm tỷ trọng khoảng 3,7% tổng doanh thu), theo đó, thông tin tài chính trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và 2016 cũng như toàn bộ doanh thu, chi phí trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các năm trước đều liên quan đến hoạt động kinh doanh chính. Do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

**Bộ phận theo khu vực địa lý**

Doanh thu của Công ty có được là do phần lớn xuất bán hàng hóa trong nội địa trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 và các năm trước. Do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

**22. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm nay VND	Năm trước VND
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		
- Doanh thu bán hàng hóa	3.239.864.193.024	2.568.152.246.982
- Doanh thu thành phẩm đã bán	823.767.115.200	789.089.545.146
- Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư	72.616.510.265	95.834.752.799
- Doanh thu từ hợp đồng hợp tác kinh doanh	40.632.166.667	28.055.833.332
- Doanh thu dịch vụ khác	5.253.543.450	5.031.276.047
	<b><u>4.182.133.528.606</u></b>	<b><u>3.486.163.654.306</u></b>
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>		
- Hàng bán bị trả lại	2.610.532.846	2.912.444.032
- Chiết khấu thương mại	1.331.077.731	1.170.011.835
	<b><u>3.941.610.577</u></b>	<b><u>4.082.455.867</u></b>
<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b><u>4.178.191.918.029</u></b>	<b><u>3.482.081.198.439</u></b>

23. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	3.070.662.573.145	2.409.217.546.982
Giá vốn của thành phẩm đã bán	789.984.450.643	756.620.185.237
Giá vốn của hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư	41.715.979.092	65.298.235.101
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	(1.574.777.047)
	<b>3.902.363.002.880</b>	<b>3.229.561.190.273</b>

24. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	777.452.117.576	744.534.867.406
Chi phí nhân công	64.817.854.863	70.769.771.515
Chi phí khấu hao tài sản cố định	8.560.446.171	9.299.730.304
Chi phí dịch vụ mua ngoài	31.376.737.400	39.853.656.708
Chi phí khác bằng tiền	15.106.429.126	12.433.549.328
	<b>897.313.585.136</b>	<b>876.891.575.261</b>

25. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	587.825.716	1.161.583.517
Thu nhập từ chuyển nhượng cổ phần	-	43.402.144.350
Lãi chênh lệch tỷ giá	609.435.745	862.203.497
Lãi chậm thanh toán	148.374.187	5.417.706
	<b>1.345.635.648</b>	<b>45.431.349.070</b>

26. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền vay	53.935.801.306	42.120.485.230
Lỗ chênh lệch tỷ giá	115.013.978	775.813.005
	<b>54.050.815.284</b>	<b>42.896.298.235</b>

27. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nhân viên	9.146.159.666	7.834.617.076
Chi phí vật liệu, bao bì	874.008.207	1.199.961.129
Chi phí khấu hao tài sản cố định	936.310.596	1.128.212.016
Chi phí dịch vụ mua ngoài	16.006.981.159	23.830.572.967
- Chi phí tiện ích	2.924.486.131	3.344.498.705
- Chi phí vận chuyển, bốc xếp hàng	6.982.129.118	12.753.815.406
- Chi phí thuê kho, bảo trì	4.548.916.117	4.239.528.960
- Chi phí dịch vụ ngân hàng	1.551.449.793	3.492.729.896
Chi phí khác bằng tiền	5.732.223.375	4.076.450.660
	<b>32.695.683.003</b>	<b>38.069.813.848</b>



**28. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nhân viên	55.671.695.197	62.935.154.439
Chi phí vật liệu, bao bì	674.507.449	526.193.121
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.275.385.401	1.498.968.959
Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	-	(1.633.831.749)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.288.907.518	1.976.448.860
Chi phí khác bằng tiền	4.333.948.087	4.942.168.406
	<b>63.244.443.652</b>	<b>70.245.102.036</b>

**29. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập tính thuế năm hiện hành	26.031.860.786	29.880.544.276
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	(157.231.773)	(57.970.206)
<b>Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>25.874.629.013</b>	<b>29.822.574.070</b>

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong năm được tính như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận trước thuế	127.840.629.235	143.602.345.259
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
<i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>	2.459.752.887	5.800.376.117
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>	(141.078.188)	-
<b>Thu nhập tính thuế</b>	<b>130.159.303.934</b>	<b>149.402.721.376</b>
Thuế suất thông thường	20%	20%
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>26.031.860.786</b>	<b>29.880.544.276</b>

Công ty mẹ và Công ty con có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập tính thuế.

Công ty không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả vì không có khoản chênh lệch tạm thời đáng kể nào giữa giá trị sổ sách của tài sản và nợ phải trả trên báo cáo tài chính hợp nhất và cơ sở tính thuế thu nhập tương ứng.

**30. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty mẹ được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	Năm nay VND	Năm trước (Trình bày lại) VND
Lợi nhuận trong năm phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty	99.857.957.736	111.823.029.580
Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi, Quỹ thưởng Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc (*)	(14.978.693.660)	(36.735.488.321)
<b>Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>84.879.264.076</b>	<b>75.087.541.259</b>
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	12.247.213	12.247.213
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>6.930</b>	<b>6.131</b>

(\*) Lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 được tính trên cơ sở của lợi nhuận sau thuế năm tài chính như trên và số liệu ước tính Quỹ khen thưởng, phúc lợi, quỹ thưởng Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc trích bằng 15% lợi nhuận sau thuế tương ứng với tỷ lệ trích hàng năm. Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu với cơ sở nêu trên nhằm phục vụ cho việc so sánh thông tin giữa hai năm do Công ty chưa có kế hoạch cho việc trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số .30 (VAS 30) "Lãi trên cổ phiếu", tổng số cổ phiếu bình quân trong kỳ được điều chỉnh do việc Công ty tăng vốn cổ phần với số tiền 24.873.900.000 đồng từ thặng dư vốn cổ phần năm 2016 theo Nghị Quyết Đại hội đồng cổ đông ngày 01 tháng 4 năm 2017. Theo đó, lãi cơ bản trên cổ phiếu của năm 2016 đã được trình bày lại.

**31. CÁC KHOẢN CAM KẾT**

**Cam kết thuê hoạt động**

Các khoản cam kết thuê hoạt động thể hiện khoản thuê kho và thuê văn phòng với thời hạn thuê từ 1 đến 2 năm.

**32. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 16 và số 17 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của các cổ đông (bao gồm vốn góp của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, cổ phiếu quỹ, quỹ đầu tư phát triển và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

*Hệ số đòn bẩy tài chính*

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Các khoản vay	751.779.026.654	692.319.713.911
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	18.370.197.504	36.527.133.432
Nợ thuần	733.408.829.150	655.792.580.479
Vốn chủ sở hữu	416.777.120.376	376.728.058.521
<b>Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu</b>	<b>1,76</b>	<b>1,74</b>

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 3.

**Các loại công cụ tài chính**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	18.370.197.504	36.527.133.432
Phải thu khách hàng và phải thu khác	312.926.223.246	302.211.058.989
	<b>331.296.420.750</b>	<b>338.738.192.421</b>
<b>Công nợ tài chính</b>		
Các khoản vay	751.779.026.654	692.319.713.911
Phải trả người bán và phải trả khác	147.093.257.500	237.346.658.251
Chi phí phải trả	2.270.588.125	2.200.449.316
	<b>901.142.872.279</b>	<b>931.866.821.478</b>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất và giá hàng hóa. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường hoạt động giao dịch các công cụ tài chính này.

**Quản lý rủi ro lãi suất**

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

**Độ nhạy của lãi suất**

Với giả định là các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất của các khoản vay với lãi suất thả nổi tăng/giảm 200 điểm cơ bản thì lợi nhuận trước thuế của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 sẽ giảm/tăng 15.035.580.533 đồng (năm 2016: 13.846.394.278 đồng).

**Quản lý rủi ro về giá hàng hóa**

Công ty mua hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để bán lại cho các khách hàng trong nước. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của hàng hóa.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không.



Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có khoản rủi ro tín dụng tập trung khá lớn từ khoản phải thu từ Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Thép Nguyễn Minh và Công ty Cổ phần Tập đoàn Thép Nguyễn Minh như trình bày tại Thuyết minh số 5. Tuy nhiên, Công ty có chính sách quản lý công nợ hiệu quả, do đó, Công ty đánh giá rủi ro tín dụng là không đáng kể.

**Quản lý rủi ro thanh khoản**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1-5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng cộng VND
<b>Số cuối năm</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	18.370.197.504	-	-	18.370.197.504
Phải thu khách hàng và phải thu khác	312.921.223.246	5.000.000	-	312.926.223.246
	<b>331.291.420.750</b>	<b>5.000.000</b>	<b>-</b>	<b>331.296.420.750</b>
Các khoản vay	732.779.026.654	19.000.000.000	-	751.779.026.654
Phải trả người bán và phải trả khác	104.150.217.500	4.943.040.000	38.000.000.000	147.093.257.500
Chi phí phải trả	2.270.588.125	-	-	2.270.588.125
	<b>839.199.832.279</b>	<b>23.943.040.000</b>	<b>38.000.000.000</b>	<b>901.142.872.279</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>(507.908.411.529)</b>	<b>(23.938.040.000)</b>	<b>(38.000.000.000)</b>	<b>(569.846.451.529)</b>
	Dưới 1 năm VND	Từ 1-5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng cộng VND
<b>Số đầu năm</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	36.527.133.432	-	-	36.527.133.432
Phải thu khách hàng và phải thu khác	217.206.058.989	85.005.000.000	-	302.211.058.989
	<b>253.733.192.421</b>	<b>85.005.000.000</b>	<b>-</b>	<b>338.738.192.421</b>
Các khoản vay	666.319.713.911	26.000.000.000	-	692.319.713.911
Phải trả người bán và phải trả khác	194.444.298.251	4.902.360.000	38.000.000.000	237.346.658.251
Chi phí phải trả	2.200.449.316	-	-	2.200.449.316
	<b>862.964.461.478</b>	<b>30.902.360.000</b>	<b>38.000.000.000</b>	<b>931.866.821.478</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>(609.231.269.057)</b>	<b>54.102.640.000</b>	<b>(38.000.000.000)</b>	<b>(593.128.629.057)</b>

Ban Tổng Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức trung bình. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng phần doanh thu phát sinh dựa trên các đơn hàng và hàng tồn kho của Công ty được luân chuyển nhanh giúp Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền cho hoạt động kinh doanh và duy trì mức độ hợp lý các khoản vay để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

2500-002  
 NHÁNH  
 NG TY  
 HIỆM HỮU  
 LOITTE  
 T NAM  
 TP. HỒ CHÍ MINH

**33. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Danh sách các bên liên quan:

**Bên liên quan**

Công ty Cổ phần Thương mại Phát triển Sài Gòn 268

**Mối quan hệ**

Công ty liên kết

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với bên liên quan:

	Năm nay VND	Năm trước VND
<b>Góp vốn</b>		
Công ty Cổ phần Thương mại Phát triển Sài Gòn 268	<u>50.000.000.000</u>	<u>-</u>

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt được hưởng trong năm như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lương, thù lao	17.712.095.000	11.129.000.000
Phụ cấp	<u>605.283.200</u>	<u>436.835.800</u>

**34. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU  
CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

**Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ**

Tiền lãi vay đã trả trong năm không bao gồm 1.038.159.202 đồng (năm 2016: 1.113.208.742 đồng), là số tiền lãi vay phát sinh trong năm nhưng chưa được thanh toán. Tuy nhiên, tiền lãi vay đã trả trong năm đã bao gồm 1.113.208.742 đồng là số tiền lãi của năm trước đã trả trong năm nay. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải trả.

Tiền chi mua sắm và xây dựng tài sản cố định trong năm đã bao gồm 43.348.081.600 đồng là số tiền chi mua sắm và xây dựng tài sản cố định trong năm trước đã được thanh toán trong năm nay. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định.

Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định đã bao gồm 58.000.000.000 đồng, là số tiền chưa thu được từ thanh lý tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác trong năm trước nhưng đã thu được tiền trong năm nay. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tiền thu từ thanh lý tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác.

Thu nhập lãi tiền gửi trong năm không bao gồm 18.376.800 đồng (năm 2016: 12.433.797 đồng), là số lãi tiền gửi phát sinh trong năm nhưng chưa thu được. Tuy nhiên, tiền thu từ lãi tiền gửi trong năm đã bao gồm 12.433.797 đồng là số tiền lãi của năm trước thu được trong năm nay. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải thu.

Nguyễn Thị Thu Hiền  
Người lập biểu

Hà Hạnh Hoa  
Kế toán trưởng



Ngô Hữu Hoàn  
Tổng Giám đốc  
Ngày 09 tháng 3 năm 2018

